SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai; Thời gian ký: 28/12/2023 15:12:06 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 443 /KH-UBND	*Lào Cai, ngày 28 tháng 12 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2024

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 về chuyển đổi số tại chiến lược, chương trình, kế hoạch và các văn bản, gồm:

- Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn;

- Công văn số 3115/BTTT-CVT ngày 02/8/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng Kế hoạch phát triển hạ tầng số giaiđoạn 2023-2025 của địa phương;

- Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025;

- Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 17/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 03/08/2022 của UBND tỉnh về việc đưa sản phẩm hàng hóa của tỉnh Lào Cai lên sàn thương mại điện tử giai đoạn 2022-2025 và năm 2022;

- Kế hoạch số 373/KH-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ chuyển đổi số hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2025;

- Kế hoạch số 428/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 326/KH-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Kế hoạch số 395/KH-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các mô hình tại Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Kế hoạch số 402/KH-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Lào Cai.

1.2. Cải thiện và nâng cao các chỉ số: Chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin (ICT Index), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số Cải cách hành chính,...

1.3. Là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp triển khai chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương mình năm 2024.

2. Yêu cầu

- Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan liên quan trong việc triển khai thực hiện chuyển đổi số. Gắn nhiệm vụ chuyển đổi số với thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp và quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Xác định những nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra của tỉnh, bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển kinh tế số, xã hội số nêu tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; lựa chọn các mục tiêu, nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai. Việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, gắn với việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, chất lượng; phân công rõ trách nhiệm cho cơ quan chủ trì và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.

II. MỤC TIÊU

Xác định dữ liệu vẫn là trọng tâm của chuyển đổi số năm 2024, để kế tiếp các nhiệm vụ và kết quả đạt được năm 2023, đồng thời khai thác, sử dụng dữ liệu có hiệu quả, chủ đề chuyển đổi số năm 2024 là ***"Nền tảng - Dữ liệu - Kết nối - Chia sẻ"*** với các mục tiêu chủ yếu như sau:

TT	Tên mục tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu ĐA 08/ NQ 20	Ước thực hiện 2023	Mục tiêu 2024	Mục tiêu 2025	Chủ trì thực hiện
1	Xây dựng Trung tâm Dữ liệu của tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn cấp độ 3 (Tier3)	Xây dựng		Đang lập KH thuê	Thuê dịch vụ CNTT	Thuê dịch vụ CNTT	Sở TT&TT
2	Kết nối mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan	%	100	100	100	100	Sở TT&TT
3	Hạ tầng dịch vụ các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh chuyển đổi sang địa chỉ IPv6	%	100	30	60	100	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
4	Tỷ lệ các cơ quan được đầu tư đáp ứng điều kiện hạ tầng CNTT phục vụ triển khai ứng dụng CNTT	%	100	75	88	100	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5	Cơ quan Đảng, sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố được triển khai giải pháp nâng cao an toàn thông tin	%	100	90	100	100	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
6	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị được số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành trọng điểm, có sự kết nối chia sẻ dữ liệu	%	90	30	50	60	Các cơ quan, đơn vị, địa phương

7	Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động	Xây dựng	Xây dựng	Đang lập KH thuê	Thuê dịch vụ	Thuê dịch vụ	Sở TT&TT
8	Hồ sơ công việc tại cấp tỉnh/huyện/xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	%	95/ 80/ 60	96/ 92/ 96	95/ 95/ 95	95/ 95/ 95	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
9	Hệ thống thông tin có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác có kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	%		32	60	80	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
10	Tổ chức, cá nhân hài lòng về việc giải quyết TTHC	%	95		95	95	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
11	Hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến	%	80	60	75	80	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
12	TTHC của các cơ quan nhà nước được cắt giảm	%	20		10	20	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
13	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nền tảng số	%	50	18	30	50	Các Sở: KH&ĐT, C.Thương, NN&PTNT, Du lịch
14	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử	%		100	100	100	Cục Thuế tỉnh
15	Doanh nghiệp (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất kinh doanh	%	90	100	100	100	Hiệp hội DN, Hiệp hội Du lịch, Liên minh HTX
16	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng	%	70	90	100	100	Hiệp hội DN, Hiệp hội Du lịch, Liên minh HTX
17	Các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử được đưa lên các sàn giao dịch thương mại điện tử	%	90	100	100	100	Sở Công Thương
18	Các dịch vụ thiết yếu do doanh nghiệp cung cấp (điện, nước, vệ sinh môi trường,…) được tích	%	100	100	100	100	Văn phòng UBND tỉnh

	hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh						
19	Tỷ lệ người dân trưởng thành sử dụng smartphone	%	100	65	80	100	UBND các huyện, thị xã, thành phố
20	Tỷ lệ người dân có nhu cầu thanh toán mua bán các loại hàng hóa, dịch vụ có tài khoản thanh toán điện tử	%	50	25	40	50	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước
21	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có kỹ năng số cơ bản	%	70	30	50	70	Sở LĐTBXH
22	Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân	%	100	93	95	100	Sở Y tế
23	Mỗi học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân	%	100	51	70	100	Sở GD&ĐT
24	Người dân tiếp cận với các dịch vụ CQĐT, dịch vụ đô thị thông minh (ĐTTM) thông qua thiết bị di động thông minh	%	50	65	80	100	UBND các huyện, thị xã, thành phố
25	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	%	100	75	90	100	Sở TT&TT
26	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số	%	50	5	10	20	Sở TT&TT
27	Tỷ lệ công chức các cấp được tập huấn, đào tạo, đào tạo lại, chuẩn hóa kỹ năng về ứng dụng CNTT	%	100	75	90	100	Sở TT&TT
28	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Đài truyền thanh và các thôn, bản, tổ dân phố có cụm loa phát thanh hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn	%	100	100	100	100	UBND các huyện, thị xã, thành phố
29	Tỷ lệ cán bộ vận hành trạm truyền thanh cấp xã và cụm loa truyền thanh thôn bản, tổ dân phố được tập huấn, nâng cao trình độ nghiệp vụ	%	100	80	100	100	Sở TT&TT
30	Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn, tổ dân phố, thôn bản xem được truyền hình và nghe được đài phát thanh của tỉnh trên thiết bị thông minh	%	100	70	100	100	UBND các huyện, thị xã, thành phố

31	Tỷ lệ đơn vị cấp xã có hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ số	%	80		40	60	Sở TT&TT, UBND các huyện, thị xã, thành phố
32	Người dân được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật	%	100	15	30	70	Công an tỉnh, Sở TT&TT
33	Người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm, được tiếp cận các khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa	%		15	30	70	Sở LĐTBXH
34	Phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ	%		50	80	100	Sở Giao thông vận tải

3. Các mục tiêu khác: *(theo Phụ lục số 01 đính kèm).*

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Danh mục nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Xây dựng thể chế, chuyển đổi nhận thức, đào tạo nhân lực số

(1) Tổ chức hướng dẫn, triển khai đào tạo tập huấn sử dụng các nền tảng số cơ bản dành cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ trì thực hiện: các cơ quan, đơn vị, địa phương; thời gian: Thường xuyên.

(2) Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng đảm bảo 50% người dân trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho người dân như: (i) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (ii) Mua sắm trực tuyến; (iii) Thanh toán trực tuyến; (iv) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (v) ứng dụng Lào Cai số. Ngoài ra, trong năm 2024, cần hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ bản khác trong: (i) Nông nghiệp, (ii) Du lịch, (iii) Y tế, (iv) Giáo dục, ... Chủ trì thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; thời gian: Thường xuyên.

(3) Trang bị các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cho người dân để người dân có các kỹ năng cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng. Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; các doanh nghiệp viễn thông; thời gian: Thường xuyên.

(4) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà - MOOCs (Nền tảng OneTouch). Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; các doanh nghiệp viễn thông; thời gian: Thường xuyên.

1.2. Xây dựng thể chế, chính sách, đảm bảo nguồn lực, tăng cường công tác quản lý:

(5) Ban hành Đề án: Phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chủ trì thực hiện: Sở Xây dựng; thời gian: 30/6/2024.

(6) Ban hành Đề án Xây dựng cửa khẩu thông minh. Chủ trì thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; thời gian: 30/6//2024.

(7) Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số của toàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2024. Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; thời gian: Quý IV/2024.

(8) Ban hành 02 chính sách: (1) Chính sách hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa; (2) Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số. Chủ trì thực hiện: (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (2) Sở Thông tin và Truyền thông; thời gian: 31/3/2024.

1.3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số:

(9) Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông và các Tập đoàn viễn thông ưu tiên nguồn lực, thống nhất lộ trình đầu tư để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng viễn thông, đặc biệt là đối với 14 thôn chưa có sóng di động, 225 thôn chưa có internet cố định. Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố; thời gian: Thường xuyên.

(10) Rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động: Chỉ đạo, tổ chức đo và lập danh sách các điểm, khu vực mà mạng viễn thông di động chưa đạt 40 Mbps, tổ chức họp với các doanh nghiệp viễn thông yêu cầu bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động, phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông trong trường hợp không giải quyết được để có giải pháp xử lý. Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố; thời gian: 30/6/2024.

(11) Triển khai dự án thuê trung tâm dữ liệu tỉnh, thực hiện chuyển dữ liệu của các cơ quan, đơn vị về trung tâm dữ liệu của tỉnh và trung tâm dữ liệu thuê của doanh nghiệp để quản lý tập trung. Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành; thời gian: 30/9/2024.

(12) Thí điểm và đánh giá kết quả thí điểm, thử nghiệm Nền tảng trong các ngành trọng điểm: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Cửa khẩu số,... Chủ trì thực hiện: Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Ban quản lý Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư; thời gian: Quý III/2024.

(13) Thuê thuê dịch vụ công nghệ thông tin Phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Lào Cai. Chủ trì thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; thời gian: Quý I/2024.

(14) Triển khai dự án thuê kho dữ liệu, xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu: Triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh

lưu trữ dữ liệu tập trung trên quy mô toàn tỉnh, bao gồm dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn; từ đó tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu, trước hết là phục vụ kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để phát triển chính quyền số, sau đó là để xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và nhận diện các nguồn dữ liệu quan trọng mà địa phương có thể thu thập, bao gồm dữ liệu nội bộ và dữ liệu từ bên ngoài; xác định các nguồn dữ liệu còn chưa được tổ chức, lưu trữ để từng bước tạo tập, quản lý và hình thành nguồn dữ liệu mới. Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo; thời gian: 30/9/2024.

(15) Cung cấp dữ liệu mở: Triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu

- Xây dựng kế hoạch tổng thể và phương án triển khai dữ liệu mở;

- Lựa chọn mở các loại dữ liệu có tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu, phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của địa phương;

- Đánh giá hiệu quả của Cổng dữ liệu mở cấp tỉnh để phát triển ở giai đoạn tiếp theo.

Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; phối hợp: các sở, ban, ngành, địa phương; thời gian: thường xuyên.

(16) Thiết lập Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức: Triển khai Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là một thành phần của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Ngoài ra, người dân, doanh nghiệp có thể tra cứu, cung cấp thông tin, giấy tờ trong các giao dịch với cơ quan nhà nước thông qua Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức nói trên. Chủ trì thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố; thời gian: 31/3/2024.

1.4. Phát triển chính quyền số:

(17) Thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính nội bộ (xây dựng, ban hành các quy trình giải quyết công việc) làm căn cứ để số hóa các quy trình công việc. Việc xây dựng quy trình thực hiện theo 3 nhóm: (i) Nhóm 1: giữa các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố; (ii) Nhóm 2: giữa các phòng, ban cấp huyện với UBND các xã, phường, thị trấn; (iii) Nhóm 3: trong nội bộ từng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, xã, phường, thị trấn. Chủ trì thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; phối hợp: các sở, ngành, địa phương; thời gian: 30/6/2024.

(18) Triển khai nghiên cứu, nâng cấp các ứng dụng dùng chung dành cho cán bộ, công chức, viên chức, từng bước hình thành nền tảng quản trị công việc tổng thể, đăng nhập một lần, cá thể hóa người dùng, liên thông, đồng bộ các chức năng về thư điện tử, văn bản điện tử, lịch làm việc, họp không giấy tờ, đôn đốc, nhắc việc, chia sẻ dữ liệu và các chức năng khác hỗ trợ công vụ. Chủ trì thực hiện:

Sở Thông tin và Truyền thông; thời gian: 30/9/2024.

(19) Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

- Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng.

- Triển khai các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, duy trì kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC).

- Triển khai giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến, kết nối hệ thống thông tin của cơ quan quản lý với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập tự động dữ liệu theo quy định của pháp luật để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.

Chủ trì thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; thời gian: 31/3/2024.

(20) Phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp: App zalo mini Lào Cai số (Kênh giao tiếp số hợp nhất là "điểm chạm" để người dân, doanh nghiệp tiếp cận với nhiều thông tin, dịch vụ số do chính quyền cung cấp, đồng thời giúp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp). Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; phối hợp: các sở, ngành, địa phương; thời gian: thường xuyên.

(21) Triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh *(nhiệm vụ chi tiết theo kế* hoạch *riêng)*. Công an tỉnh chia sẻ một số trường thông tin trong cơ sở dữ liệu về lưu trú cho Sở Du lịch, Cục Thuế, UBND các huyện, thị xã, thành phố để phân tích phục vụ quản lý, phát triển du lịch và chống thất thu ngân sách. Chủ trì thực hiện: Công an tỉnh; phối hợp: các sở, ngành, địa phương; thời gian: 31/3/2024.

1.6. Phát triển kinh tế số, xã hội số:

(22) Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SME). Chủ trì thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư; phối hợp: Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý Khu kinh tế, Liên minh Hợp tác xã, Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Du lịch; thời gian: 30/9/2024.

(23) Hoàn thành việc chuyển đổi số toàn diện đối với các bệnh viện: Đa khoa tỉnh, Sản Nhi, Mường Khương; chuẩn bị đủ điều kiện để áp dụng với toàn bộ các bệnh viện của tỉnh trong năm 2025. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa thông qua App zalo mini Lào Cai số; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt. Chủ trì thực hiện: Sở Y tế; thời gian: 30/6/2024.

(24) Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; phối hợp: Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Du lịch, Ban Quản lý Khu kinh tế, Liên minh Hợp tác xã, Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Du lịch; thời gian: thường xuyên.

(25) Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số.

- Các ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân.

- Triển khai dịch vụ Mobile Money, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền và thanh toán bằng tài khoản Mobile Money mà không cần có tài khoản ngân hàng.

- Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học, các daonh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ thiết yếu hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Nghiên cứu chính sách ưu đãi hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Triển khai các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số không dùng tiền mặt như: thôn số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm.

Chủ trì thực hiện: Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp viễn thông, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp cung cấp các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; thời gian: thường xuyên.

(26) Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Tích hợp hệ thống xác thực qua VNeID vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh, cho phép người dân sử dụng VNeID có thể sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

- Phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến.

- Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Chủ trì thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; thời gian: thường xuyên.

(27) Triển khai phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân.

- Tích hợp tính năng ký số vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động.

- Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích sử dụng chữ ký số.

- Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân.

- Phối hợp với Bộ Công an tích hợp chữ ký số trên ứng dụng VNeID.

Chủ trì thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố; thời gian: Quý 30/6/2024.

(28) Hoàn thành việc kết nối các hệ thống thông tin, phần mềm tích hợp vào Kho dữ liệu của tỉnh. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030". Chủ trì thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; thời gian: 30/10/2024.

(29) Hoàn thành việc chuyển đổi số toàn diện đối với các bệnh viện: Đa khoa tỉnh, Sản Nhi, Mường Khương; chuẩn bị đủ điều kiện để áp dụng với toàn bộ các bệnh viện của tỉnh trong năm 2025. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa thông qua App zalo mini Lào Cai số; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt. Chủ trì thực hiện: Sở Y tế; thời gian: 30/6/2024.

1.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

(30) Tổ chức diễn tập thực chiến và hội thảo đảm bảo an toàn thông tin trong ngày chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2024. Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông và địa phương đăng cai; Thời gian: tháng 10/2024.

(31) Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin.

- Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.

- Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của tỉnh trước 30/6/2024.

- 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt trước 30/11/2024.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3).

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

- Triển khai giám sát an toàn thông tin tập trung đến hệ thống mạng và máy

tính cá nhân của công chức trong hệ thống chính trị.

Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; thời gian: Thường xuyên.

(32) Triển khai phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản. Đảm bảo hạn chế tối đa việc lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; bảo đảm người dân an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số. Chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; thời gian: 30/11/2024.

2. Các nhiệm vụ cụ thể: *(Phụ lục số 03 kèm theo).*

IV. GIAO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN, THANH TOÁN TRỰC TUYẾN TỈNH LÀO CAI NĂM 2024: *(Phụ lục số 02 kèm theo).*

V. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CHỈ SỐ DTI: *(Phụ lục số 04 kèm theo).*

VI. KINH PHÍ VÀ DANH MỤC DỰ ÁN/HOẠT ĐỘNG

Thực hiện theo Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và văn bản của UBND tỉnh về việc giao danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2024.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc và phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tham mưu với UBND tỉnh ban hành kịp thời cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý cho chuyển đổi số của tỉnh; ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành, quy định, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin sau khi đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. Đánh giá hiệu quả các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Thu thập, tiếp nhận ý kiến tham gia của cán bộ, công chức, viên chức, người dân trong việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ đô thị thông minh, chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với Tỉnh đoàn, Sở Giáo dục và Đào tạo, các huyện, thị xã, thành phố đào tạo hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân đặc biệt là Tổ công nghệ số cộng đồng, học sinh, sinh viên và các hộ gia đình trên toàn tỉnh về chuyển đổi số, đảm bảo an

toàn thông tin, dịch vụ công trực tuyến và sử dụng các ứng dụng phục vụ công dân của tỉnh.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị, đoàn học tập kinh nghiệm để thực hiện tốt việc chuyển đổi số, đặc biệt là trong xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ, đề xuất điều chỉnh, bổ sung bộ chỉ số chuyển đổi số của tỉnh để theo dõi, đánh giá chính xác kết quả, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Đề nghị các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các cơ quan khối Đảng, đoàn thể.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, lồng ghép các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đồng bộ chương trình, kế hoạch cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

- Ưu tiên bố trí biên chế công chức, viên chức làm nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Triển khai các chương trình đào tạo chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, đào tạo về chuyển đổi số cho lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức; đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách/phụ trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; đồng thời, có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực quản lý triển khai chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ

trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

6. Các doanh nghiệp nhà nước, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp của mình. Thực hiện chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan liên quan đẩy mạnh thanh toán điện tử. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh phát triển thương mại điện tử.

7. Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Du lịch

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức các chương trình giới thiệu các nền tảng số, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử; phổ biến, tuyên truyền để các doanh nghiệp, hợp tác xã tích cực sử dụng và tương tác trên Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, Cổng dịch vụ công cửa khẩu, Cổng thông tin du lịch…

8. Các cơ quan ngành dọc Trung ương trên địa bàn tỉnh

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ được cơ quan chủ quản cấp trên giao và các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình năm 2024.

9. Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, lợi ích của việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ chính quyền số, đô thị thông minh, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy sự tham gia doanh nghiệp, của người dân vào quá trình chuyển đổi số, nâng cao sự hài lòng, tạo niềm tin cho nhân dân.

- Ưu tiên tuyên truyền các điển hình, cách làm hay trong chuyển đổi số để phổ biến, nhân rộng ra toàn tỉnh.

- Điều tra, nắm bắt nhu cầu, ý kiến ban đọc, khán, thính giả để có sự kết nối, làm cơ sở đổi mới nội dụng, cải tiến cách thể hiện và bố trí khung giờ phù

hợp; gắn kết thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ của Kế hoạch này với Kế hoạch tuyên truyền của tỉnh năm 2024.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trịnh Xuân Trường

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các ban HĐND tỉnh, VPĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp; Hiệp hội Du lịch tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh;
- FPT, VNPT, Viettel Lào Cai;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, các CV.

Phụ lục số 1.1

GIAO THỰC HIỆN MỤC TIÊU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TỈNH LÀO CAI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: 443/KH-UBND ngày 28 / 12/2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Mục tiêu	Hiện trạng	Năm 2024	Chủ trì	Phối hợp
I	**CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**				
1	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại các cơ quan khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng	76%	90%	Các cơ quan khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh	
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng	94%	95%	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Báo cáo của UBND tỉnh có kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ *(dữ liệu tự động tổng hợp trên hệ thống báo cáo của tỉnh)*		100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị
4	Báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo *(theo quy định của UBND tỉnh về chế độ BC)* được tự động tổng hợp trên hệ thống báo cáo của tỉnh (theo QĐ 44)		80%	Các cơ quan, đơn vị	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
5	Báo cáo được các cơ quan, đơn vị trực thuộc nhập dữ liệu phục vụ báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo *(theo quy định của UBND tỉnh về chế độ báo cáo)*		80%	Các cơ quan, đơn vị	Sở TT&TT
6	Tỷ lệ các hệ thống thông tin được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin	50%	100%	Các cơ quan, đơn vị	Sở TT&TT
7	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nền tảng số	18%	25%	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Du lịch	Sở TT&TT; Các DN, Hiệp hội DN
8	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	10%	30%	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Du lịch	Các DN, Hiệp hội DN
9	Tỷ lệ triển khai hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền (*hóa đơn từ 200.000 đồng trở lên*)	30%	50%	Cục Thuế tỉnh	Các DN, Hiệp hội DN

CAI OAJ HAIR MAGAZINE MAP

10	Tỷ lệ tài khoản thanh toán điện tử của cá nhân trên dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử (*bao gồm cả dịch vụ mobile money*)	95%	95%	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện; DN cung cấp DV
11	Tỷ lệ người dân có phần mềm bảo vệ cơ bản	20%	50%	Sở TT&TT	UBND cấp huyện
12	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	92%	95%	Sở Y tế	UBND cấp huyện
13	Tỷ lệ người dân có định danh điện tử mức độ 2	69%	80%	Công an tỉnh	UBND cấp huyện
14	Tỷ lệ người dân có tài khoản dịch vụ công trực tuyến		80%	VPUBND tỉnh	UBND cấp huyện
15	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có học bạ điện tử	100%	100%	Sở GD&ĐT	UBND cấp huyện
16	Tỷ lệ giao dịch KCB thanh toán không dùng tiền mặt trong các Bệnh viện	22%	35%	Sở Y tế	UBND cấp huyện
17	Tỷ lệ Trường học, bệnh viện cung cấp dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt	61% trường học; 100% bệnh viện	100%	Sở Y tế; Sở GD&ĐT	UBND cấp huyện
18	Thông tin quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị được công khai trên mạng để hỗ trợ tra cứu thông tin	Thông tin quy hoạch chung đạt 100%; thông tin quy hoạch chi tiết đạt 25%	Thông tin quy hoạch chung đạt 100%; thông tin quy hoạch chi tiết đạt 30%	Sở Xây dựng	UBND cấp huyện
19	Số lượng sản phẩm OCOP, đặc trưng, đặc hữu của tỉnh thực hiện (giao dịch) thành công trên các sàn thương mại điện tử		90 nghìn giao dịch	Các DN có sàn TMĐT; Sở Công Thương	Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện
20	Tổng doanh thu của các hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai từ các sàn TMĐT		09 tỷ đồng	Sở Công Thương	Các doanh nghiệp có sàn TMĐT
21	Hạ tầng dịch vụ các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh chuyển đổi sang địa chỉ IPV6	20%	70%	Các cơ quan, đơn vị	Sở TT&TT
22	Tỷ lệ công chức cấp tỉnh được tập huấn, đào tạo, kỹ năng số cơ bản	70%	90%	Các cơ quan, đơn vị	Sở TT&TT

II	**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN**				
23	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng	92%	95%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
24	Báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo *(theo quy định của UBND tỉnh về chế độ BC)* được tự động tổng hợp trên hệ thống báo cáo của tỉnh (theo QĐ 44)		80%	UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
25	Báo cáo được các cơ quan, đơn vị trực thuộc nhập dữ liệu phục vụ báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo *(theo quy định của UBND tỉnh về chế độ báo cáo)*		80%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
26	Tỷ lệ các hệ thống thông tin được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin		100%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
27	Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang	58%	65%	UBND cấp huyện	Các doanh nghiệp viễn thông, Sở TT&TT
28	Tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh.	51%	55%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
29	Tỷ lệ tài khoản thanh toán điện tử của cá nhân trên dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử (bao gồm cả dịch vụ mobile money)	95%	95%	UBND cấp huyện	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước
30	Chuyển đổi số cho người dân				
-	Tỷ lệ người dân có phần mềm bảo vệ cơ bản	20%	50%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
-	Tỷ lệ người dân có kỹ năng, kiến thức cơ bản về ATTT để tự bảo vệ mình và người thân	20%	35%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
-	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	92%	95%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
-	Tỷ lệ người dân có định danh điện tử mức độ 2	69%	80%	UBND cấp huyện	Công an tỉnh
-	Tỷ lệ người dân có chữ ký số		5%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
-	Tỷ lệ người dân có tài khoản dịch vụ công trực tuyến		80%	UBND cấp huyện	VP UBND tỉnh
31	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có học bạ điện tử	100%	100%	UBND cấp huyện	Sở Giáo dục và ĐT
32	Tỷ lệ Trường học, bệnh viện cung cấp dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt	61% trường học; 100%	100%	UBND cấp huyện	Sở GD&ĐT; Sở Y tế

LAC OAJ MHT MAU

		bệnh viện			
33	Số lượng sản phẩm OCOP, đặc trưng, đặc hữu của tỉnh thực hiện (giao dịch) thành công trên các sàn thương mại điện tử		10 nghìn giao dịch	UBND cấp huyện	Sở Công Thương; Các DN; Sở NN&PTNT
34	Tổng doanh thu của các hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai từ các sàn TMĐT		01 tỷ đồng	UBND cấp huyện	Các doanh nghiệp; Các sàn TMĐT
35	Hạ tầng dịch vụ các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh chuyển đổi sang địa chỉ IPV6		70%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
36	Tỷ lệ công chức cấp huyện được tập huấn, đào tạo, kỹ năng số cơ bản	70%	90%	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
37	Thực hiện mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới thông minh	1 xã	9 xã	UBND cấp huyện	Sở TT&TT

./.

DAI HIT GAU MAHI

Phụ lục 1.2

MỤC TIÊU THEO CÁC KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2025 CỦA UBND TỈNH ĐỐI VỚI MỘT SỐ NGÀNH TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Kế hoạch số 443 /KH-UBND ngày 28 /12/2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2025	Mục tiêu giao năm 2024	Cơ quan, đơn vị thực hiện
1	**Chuyển đổi số báo chí**				
1.1	Tỷ lệ các cơ quan báo chí tỉnh đưa nội dung lên các nền tảng số hoặc có các kênh thông tin riêng trên các mạng xã hội như: Zalo, Facebook, YouTube,…	%	100	100	Sở TT&TT
1.2	Cơ quan báo đài sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động của tòa soạn, thu hút và giữ chân độc giả; đẩy mạnh các ứng dụng AI như: ChartGPT, Midjourney, các phần mềm có liên quan đến dữ liệu báo chí, ảnh, video, dẫn chương trình ảo (MC ảo, giọng đọc ảo)…Nghiên cứu thử nghiệm các công nghệ mới vào thực tế như blockchain, metaverse, NFT.	Đơn vị	2	2	Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh
1.3	Hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ, sản xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số; phát triển cơ quan truyền thông đa phương tiện của địa phương.	Đơn vị	2	2	Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh
1.4	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ, nhà báo, phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên các cơ quan báo chí tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số báo chí.	%	100	90	Sở TT&TT
1.5	Tỷ lệ cơ quan báo chí có giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.	%	100	100	Các cơ quan báo chí
1.6	Tỷ lệ các cơ quan báo chí tỉnh áp dụng Bộ chỉ số đánh giá, đo lường mức độ trưởng thành chuyển đổi số báo chí để đánh giá, xác định mức độ trong quá trình chuyển đổi số từ đó có lộ trình, kế hoạch, giải pháp chuyển đổi số phù hợp.	%	100	50	Sở TT&TT Các cơ quan báo chí
1.7	Tỷ lệ các cơ quan báo chí tỉnh sử dụng phần mềm thống kê, phân tích thông tin, dư luận trên báo chí, mạng xã hội để nắm bắt thông tin báo chí, dư luận xã hội phản ánh (Bao gồm cả các công cụ đo lường của quốc tế sử dụng trong nội bộ tòa soạn, các công cụ đặc	%	100	50	Sở TT&TT Các cơ quan báo chí

ΚΥΚΛΟΣ ΔΙΚΗΓΟΡΩΝ ΑΘΗΝΩΝ

	biệt và hệ thống áp dụng chung để có thể theo dõi và xếp hạng như: Google analytics, similarweb, alexa,... từ đó phát triển báo chí địa phương theo kịp xu hướng phát triển của báo chí hiện đại).				
2	**Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số**				
	Đối với các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:				
2.1	Tỷ lệ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, tập huấn, đào tạo về kỹ năng số, kỹ năng an toàn thông tin (ATTT), kỹ năng sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số.	%	100	100	Văn phòng Tỉnh ủy
2.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn kỹ năng CNTT cơ bản.	%	100	100	Văn phòng Tỉnh ủy
2.3	Tỷ lệ các cơ quan cấp tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy có cán bộ chuyên trách CNTT, ATTT nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành, hỗ trợ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, đảm bảo ATTT.	%	100	100	Văn phòng Tỉnh ủy
2.4	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm CNTT, ATTT được cử đi đào tạo ngắn hạn hoặc tập huấn chuyên môn hàng năm.	%	100	100	Văn phòng Tỉnh ủy
2.5	Thu hút, đào tạo thêm tối thiểu 2 thạc sỹ, 2 kỹ sư, cử nhân chuyên ngành làm việc tại Văn phòng Tỉnh uỷ.	Người	4	4	Văn phòng Tỉnh ủy
2.6	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT, ATTT được hưởng chính sách đãi ngộ.	%	100	100	Văn phòng Tỉnh ủy
	Đối với các cơ quan khối các cơ quan nhà nước:				
2.7	Tỷ lệ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành trong cơ quan, đơn vị, địa phương được bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.	%	100	80	Các Sở, ban, ngành
2.8	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản; được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số.	%	100	70	Các Sở, ban, ngành
2.9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, 50% lãnh đạo, công chức chuyên môn các cơ quan hành chính thuộc UBND cấp huyện được tập huấn kĩ năng phân tích khai thác dữ liệu và công nghệ số.	%	50	30	Sở TT&TT UBND các huyện, thị xã, thành phố

ÚZEMNÍ SPRÁVNÍ ÚŘAD

2.10	Thu hút, đào tạo thêm tối thiểu 6 thạc sỹ, 10 kỹ sư, cử nhân chuyên ngành làm việc tại Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị trực thuộc.	người	16	6	Sở TT&TT
2.11	Thí điểm thuê chuyên gia làm việc tại Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị trực thuộc để thực hiện các nhiệm vụ tham mưu về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, thẩm định…, đảm bảo an toàn thông tin.	Thực hiện	Thí điểm	Thí điểm	Sở TT&TT
2.12	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT, ATTT được hưởng chính sách đãi ngộ để đảm bảo:				
-	Mỗi Sở, ngành có ít nhất 01 cán bộ, UBND cấp huyện có ít nhất 02 cán bộ chuyên trách trách về lĩnh vực (chuyển đổi số, ATTT) trình độ kỹ sư, cử nhân chuyên ngành.	Đạt	Đạt	Đạt	Các cơ quan, đơn vị, địa phương
-	Đảm bảo 100% bệnh viện cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ chuyên trách về lĩnh vực (chuyển đổi số, ATTT) trình độ kỹ sư, cử nhân chuyên ngành.	%	100	100	Sở Y tế
2.13	Lựa chọn, cử cán bộ thuộc các Sở, ngành, địa phương tham gia chương trình đào tạo chuyên gia chuyển đổi số tối thiểu 20 cán bộ do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức,	Người	20	10	Sở TT&TT
2.14	Tối thiểu 100 cán bộ do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức để trở thành lực lượng nòng cốt dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số.	Người	100	50	Sở TT&TT
2.15	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, CNTT hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số và được đánh giá trực tuyến kết quả đào tạo qua Hệ thống đánh giá, sát hạch chuẩn kỹ năng số quốc gia.	%	100	80	Sở TT&TT
2.16	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT, chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương được đào tạo chuyên sâu về ATTT hàng năm.	%	100	90	Sở TT&TT
2.17	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố có tổ công nghệ số cộng đồng thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng làm nòng cốt cho tiến trình chuyển đổi số của địa phương.	%	100	100	Sở TT&TT
	Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo:	%			
2.18	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.	%	90	90	Sở Giáo dục, UBND các huyện, thị xã, thành phố

2.19	Tỷ lệ giảng viên, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng và phương pháp sư phạm số, kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu, năng lực phát triển học liệu số và công nghệ số.	%	50	25	Sở Giáo dục, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.20	Đưa nội dung giáo dục kỹ năng số vào 100% trường phổ thông; 100% học sinh từ lớp 3 trở lên được học môn Tin học;	%	100	100	Sở Giáo dục, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.21	Tỷ lệ cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.		50	50	Sở Giáo dục, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.22	Trường Cao đẳng Lào Cai, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai có khoa chuyên ngành đào tạo về CNTT, chuyển đổi số.	Trường	2	2	Trường CĐ Lào Cai, Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh
2.23	Tỷ lệ học sinh, sinh viên được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về CNTT, ATTT, chuyển đổi số.	%	60	50	Sở Giáo dục, Trường CĐ Lào Cai, Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.24	Tỷ lệ chương trình đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin được cập nhất phù hợp với ứng dụng khoa học công nghệ mới.	%	100	100	Trường CĐ Lào Cai, Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh
2.25	Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp trở lên đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản.	%	100	100	Trường CĐ Lào Cai, Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh
	Đối với người dân, doanh nghiệp:				
2.26	Mọi người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.	%	100	50	Sở TT&TT
2.27	Tỷ lệ số người dân trong độ tuổi lao động được tuyên truyền, đào tạo để có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.	%	70	50	Sở Lao động – TBXH, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.28	Tỷ lệ hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.	%	100	50	Sở Kế hoạch và Đầu tư

IAS OAJ ANIT

2.29	Hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất tham gia tập huấn về kỹ năng số và hoạt động trên môi trường mạng (kỹ năng tạo gian hàng số, địa chỉ số, tài khoản thanh toán số, truy xuất nguồn gốc số, nhãn hàng số trên các sàn TMĐT).	%	70	35	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT
3	**Đưa hàng hóa lên sàn TMĐT**				
3.1	Tỷ lệ hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất tham gia tập huấn về kỹ năng số và hoạt động trên môi trường mạng	%	70	35	Sở Công Thương
3.2	Tỷ lệ hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia tập huấn hướng dẫn thực hiện quy trình đóng gói, kết nối, giao nhận sản phẩm	%	60	35	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT
3.3	Tỷ lệ Doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình có sản phẩm OCOP được tạo gian hàng số và có tài khoản thanh toán điện tử	%	100	100	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT
3.4	Các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử được đưa lên các sàn giao dịch thương mại điện tử	%	90	90	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT
4	**Hỗ trợ chuyển đổi số Hợp tác xã, Doanh nghiệp nhỏ và vừa**				
4.1	Tỷ lệ HTX, DNNVV trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.	%	100	50	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4.2	Mỗi năm có trên 200 HTX, DNNVV trên địa bàn tỉnh được đào tạo, tập huấn, tư vấn, kết nối các giải pháp chuyển đổi số, trải nghiệm các nền tảng số để chuyển đổi số doanh nghiệp. Trong đó, phấn đấu có 20 - 30 HTX, DNNVV mẫu điển hình về chuyển đổi số để triển khai nhân rộng.	DN	200	200	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4.3	Tỷ lệ 40 - 50% HTX, DNNVV trên địa bàn tỉnh ứng dụng các hình thức thương mại điện tử để kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm.	%	50	50	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	**Phát triển kinh tế số**				
5.1	Tỷ trọng kinh tế số của tỉnh Lào Cai thuộc nhóm các tỉnh dẫn đầu của vùng Trung du, Miền núi phía Bắc.				Sở Công Thương
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) ứng dụng CNTT (các phần mềm như: kế toán, quản trị doanh nghiệp, quản lý kho, hàng, nguyên vật liệu,...)trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	%	90	90	Sở TT&TT

5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử (thương mại điện tử) trên môi trường mạng.	%	70	50	Sở Công Thương
5.4	Tỷ lệ các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử được đưa lên các sàn giao dịch thương mại điện tử.	%	90	90	Sở Công Thương
5.5	Tỷ lệ các dịch vụ thiết yếu do doanh nghiệp cung cấp (điện, nước, vệ sinh môi trường,…) được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.	%	100	100	Sở Công Thương
6	**Phát triển xã hội số**	**%**			
6.1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.	%	80/100	80/100	Sở TT&TT
6.2	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.		Phổ cập	Huy động xã hội hóa	Sở TT&TT
6.3	Tỷ lệ hạ tầng viễn thông đầu tư mới tại các khu vực đô thị được chia sẻ dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông.	%	100	100	Sở TT&TT
6.4	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	%	40	95	Ngân hàng nhà nước tỉnh
6.5	Tỷ lệ người dân tiếp cận với các dịch vụ chính quyền điện tử (CQĐT), dịch vụ đô thị thông minh (ĐTTM) thông qua thiết bị di động thông minh.	%	50	30	Sở TT&TT
6.6	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh và các thôn, bản, tổ dân phố có cụm loa phát thanh hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn; 100% cán bộ vận hành trạm truyền thanh cấp xã và cụm loa truyền thanh thôn bản, tổ dân phố được tập huấn, nâng cao trình độ nghiệp vụ.	%	100	100	Sở TT&TT
6.7	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, thôn, bản, tổ dân phố đọc được báo, xem được truyền hình và nghe được phát thanh của tỉnh trên thiết bị thông minh.	%	100	100	Sở TT&TT
6.8	Tỷ lệ người dân được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.	%	100	50	Sở TT&TT
6.9	Tỷ lệ người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm, được tiếp cận các khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.	%	100	50	Sở Lao động – TBXH, UBND các huyện, thị xã, thành phố

6.10	Tỷ lệ phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ.	%	100	50	Sở Giao thông vận tải – Xây dựng
6.11	Tỷ lệ cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.	%	100	100	Cục thuế tỉnh
6.12	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	80	95	Ngân hàng nhà nước tỉnh
6.13	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	%	80	80	Sở TT&TT UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.14	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	50	5	Sở TT&TT UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.15	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	70	35	Sở Lao động – TBXH, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.16	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	50	30	Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.17	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	%	30	20	Sở Y tế
6.18	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	90	95	Sở Y tế
6.19	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	%	50	50	Trường Cao đẳng Lào Cai, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai
6.20	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	%	70	50	Sở Giáo dục và Đào tạo

./.

IAS ACADEMY NAGPUR

Phụ lục 02

GIAO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN, THANH TOÁN TRỰC TUYẾN TỈNH LÀO CAI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 418 /KH-UBND ngày 28 / 12/2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Tên cơ quan, địa phương	Tỷ lệ DVCTT toàn trình	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Tỷ lệ TTHC triển khai thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh thanh toán trực tuyến
1	Sở Thông tin và Truyền thông	100%	60%	100%	60%
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100%	60%	100%	60%
3	Sở Tài chính	100%	60%	TTHC không thu phí	
4	Ban Dân tộc	100%	60%	TTHC không thu phí	
5	Ban Quản lý khu Kinh tế	100%	60%	100%	60%
6	Sở Công Thương	100%	60%	100%	60%
7	Sở Du lịch	100%	60%	100%	60%
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	100%	60%	100%	60%
9	Sở Lao động –TB&XH	100%	60%	100%	60%
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	100%	60%	100%	60%
11	Sở Ngoại vụ	100%	60%	TTHC không thu phí	
12	Sở Văn hoá và Thể thao	100%	60%	100%	60%
13	Sở Y tế	100%	60%	100%	60%
14	Sở Nội vụ	100%	60%	100%	60%
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	100%	60%	100%	60%
16	Sở Giao thông Vận tải - XD	100%	60%	100%	60%
17	Sở Tư pháp	100%	60%	100%	60%
18	Sở Khoa học và Công nghệ	100%	60%	100%	60%
19	UBND huyện Bảo Thắng	100%	60%	100%	60%
20	UBND huyện Bảo Yên	100%	60%	100%	60%
21	UBND huyện Bát Xát	100%	60%	100%	60%
22	UBND huyện Bắc Hà	100%	60%	100%	60%
23	UBND huyện Mường Khương	100%	60%	100%	60%
24	UBND huyện Si Ma Cai	100%	60%	100%	60%
25	UBND huyện Văn Bàn	100%	60%	100%	60%
26	UBND thành phố Lào Cai	100%	60%	100%	60%
27	UBND thị xã Sa Pa	100%	60%	100%	60%

Ghi chú:

1. Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về TTHC, việc thực hiện và giải quyết TTHC đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ BCCI.

2. Tỷ lệ DVCTT toàn trình: Được tính bằng số DVCTT toàn trình đang cung cấp trên tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp thành DVCTT toàn trình;

3. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: Được tính bằng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy) trên tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến);

4. Tỷ lệ TTHC triển khai thanh toán trực tuyến: Được tính bằng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến trên tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính;

5. Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: Được tính bằng số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC triển khai thanh toán trực tuyến./

NGOÀI MHIT HAO

Phụ lục 03

DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LÀO CAI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: 443/KH-UBND ngày 28 / 12 /2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
I	**Chuyển đổi nhận thức và phát triển nhân lực số**				
1	Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Tổ chức 09 khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các huyện thị, xã, thành phố.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT	Quý II
		Tổ chức 02 khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các Sở, ban, ngành, địa phương.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I
		Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà - MOOCs (Nền tảng OneTouch)	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
2	Tổ chức các hội thảo về chuyển đổi số.	Tổ chức hội thảo chuyển đổi số của tỉnh.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II, III
		Tổ chức hội thảo chuyển đổi số trong lĩnh vực GD&ĐT.	Sở GD&ĐT	Sở TT&TT	
		Tổ chức hội thảo chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế.	Sở Y tế	Sở TT&TT	
		Tổ chức hội thảo chuyển đổi số trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở TT&TT	
		Tổ chức hội thảo chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TT&TT	

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		Tổ chức hội thảo chuyển đổi số cho doanh nghiệp.	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Sở KH&ĐT, Sở TT&TT	
3	Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số cho người dân.	Giúp người dân biết đăng ký và sử dụng định danh điện tử; biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống: y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí…; biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tỉnh đoàn, Sở TT&TT, các doanh nghiệp viễn thông	Thường xuyên
4	Đào tạo, tập huấn kỹ năng số ở các cấp học, cơ sở đào tạo, hướng tới phổ cập kỹ năng số trong xã hội. Cung cấp học liệu, công cụ cho phép người dân sử dụng miễn phí để tự học các kỹ năng số.	Đưa Chương trình phổ biến kiến thức về chuyển đổi số vào các trường đào tạo chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn tỉnh nhằm mục tiêu lan tỏa tiến trình chuyển đổi số của tỉnh.	Các trường chuyên nghiệp, dạy nghề	Sở GD&ĐT	Thường xuyên
		Xây dựng kho học liệu, nền tảng học trực tuyến đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập suốt đời của người dân.	Sở Giáo dục và Đào tạo		
		Phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động, ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Quý I/2024
5	Tăng cường công tác tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Duy trì thường xuyên chuyên mục chuyển đổi số của tỉnh, xây dựng cuộc thi về chuyển đổi số trên Đài PTTH tỉnh.	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên
		Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số của tỉnh trên Báo Lào Cai.	Báo Lào Cai	Sở TT&TT	Thường xuyên
		Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số của tỉnh trên các cổng, trang thông tin điện tử.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục hàng tuần về chuyển đổi số.	UBND các huyện, thị xã, thành phố		Thường xuyên
6	Phổ biến nội dung cuốn tài liệu Cẩm nang chuyển đổi số đăng tải tại địa chỉ: https://dx.mic.gov.vn đến tới CBCCVC, HSSV và người dân		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
II	**Xây dựng thể chế, chính sách, đảm bảo nguồn lực, tăng cường công tác quản lý**				
7	Bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông. Kiện toàn lại tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thị xã, thành phố. Xây dựng tiêu chí, xác định vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.	Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ, Sở TT&TT	Quý I
		Xây dựng tiêu chí, xác định vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Quý II
8	Trình UBND tỉnh ban hành các quyết định, kế hoạch trung và dài hạn về chuyển đổi số.	Triển khai phương án phát triển thông tin và truyền thông tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II
		Chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai năm 2024	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		Kế hoạch nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số năm 2024	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I
9	Ban hành quy định, quy chế quản lý vận hành, sử dụng các nền tảng, dữ liệu và các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông rà soát ban hành quy định, quy chế đối với các nền tảng, cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Ban hành cùng với thời điểm đưa vào vận hành *(đối với các HTTT đã đưa vào vận hành thì thực hiện trong quý II, III)*
		Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát ban hành quy định, quy chế cho các cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin do đơn vị mình chủ trì khai thác, quản lý.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương		
10	Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với một số đối tượng: doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân (trong sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, thanh toán điện tử, an toàn thông tin,…).	Xây dựng kế hoạch của UBND tỉnh Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với một số đối tượng: doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I
11	Tăng cường hợp tác về chuyển đổi số.	Chủ động hợp tác, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các sở, ngành, địa phương ngoài tỉnh có sản phẩm tốt, cách làm hay về chuyển đổi số.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương		Thường xuyên
		Hợp tác với các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin để triển khai các công nghệ, nền tảng hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hội kinh doanh của tỉnh chuyển đổi số.	Sở TT&TT	Hiệp hội DN, Hiệp hội Du lịch, Liên minh HTX	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		Cụ thể hóa chương trình hợp tác giữa tỉnh Lào Cai với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin về chuyển đổi số bằng các sản phẩm, công việc cụ thể.	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP, các doanh nghiệp VT-CNTT	Thường xuyên
12	Thanh tra, kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan, đơn vị, địa phương.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương		Thường xuyên
13	Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số của toàn tỉnh theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 22/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông và đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh.		Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
14	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2024.	Theo các nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương tại Phụ lục số 03 đính kèm Kế hoạch này.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
15	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy chuyển đổi	Thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn để chuyển đổi số (Các DN tham gia được dùng thử nghiệm nền tảng số xuất sắc miễn phí từ 06 - 1 năm tháng)	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
	số trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Tổ chức truyền thông về Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số và lập danh sách các doanh nghiệp tham gia Chương trình	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
16	Ban hành 4 chính sách	(1) Chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình;	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II/2024
		(2) Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II/2024
		(3) Chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa;	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II/2024
		(4) Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý II/2024
17	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ thi hành Luật Giao dịch điện tử; tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử		Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	30/5/2024
III	**Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, d liệu số**				
18	Làm việc, đề nghị với Bộ Thông tin và Truyền thông, các Tập đoàn Viễn thông	Ưu tiên nguồn lực, thống nhất lộ trình đầu tư để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng viễn thông, đặc biệt là đối với .. thôn chưa có internet cố định, đẩy nhanh tiến độ phủ sóng 5G đối với các trung tâm kinh tế của tỉnh nhằm tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng.	Sở TT&TT	Các doanh nghiệp viễn thông	Quý I

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
19	Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng bưu chính, viễn thông.	Hỗ trợ, tạo điều kiện về các thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, hạ tầng đô thị, đầu mối điều phối các hoạt động...	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Điện lực Lào Cai	Thường xuyên
20	Triển khai dự án thuê trung tâm dữ liệu tỉnh dựa trên công nghệ điện toán đám mây.	Thuê dịch vụ CNTT trung tâm dữ liệu tỉnh, chuyển các hệ thống thông tin về các trung tâm dữ liệu sau đầu tư, thuê dịch vụ	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
21	Đề xuất xây dựng, thuê kho dữ liệu.	Lĩnh vực Giao thông – Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT	Sở TT&TT		Quý II
22	Phát triển hạ tầng mạng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng nội bộ, mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hệ thống chính trị làm nền tảng phục vụ cho chuyển đổi số.	Thuê dịch vụ CNTT mạng TSLCD trên toàn tỉnh.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Các doanh nghiệp bưu chính thực hiện duy trì 100% điểm phục vụ bưu chính có kết nối băng rộng cố định.	Các DN bưu chính	Sở TT&TT	Thường xuyên
		Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông năm 2024.	Các DN viễn thông	Sở TT&TT	Quý I
		Xây dựng và triển khai kế hoạch hạ ngầm và gọn hóa hạ tầng viễn thông năm 2024.	Sở GTVT - Xây dựng	Các DN viễn thông, Sở TT&TT	Quý I
		Triển khai chính sách viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh.	Sở TT&TT	Sở Y tế, Sở GD&ĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, các DN viễn thông	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
23	Phát triển hạ tầng CNTT toàn diện cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.	Trang bị máy tính cho 100% CBCC tại CQNN cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.	Các CQ, ĐV, ĐP		Thường xuyên
		Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi Ipv6 trên địa bàn tỉnh năm 2024.	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP, các doanh nghiệp VT-CNTT	Quý I
24	Xây dựng, phát triển, ứng dụng các nền tảng số, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, nền tảng dịch vụ dùng chung, dữ liệu dùng chung, định danh, xác thực điện tử, thanh toán điện tử, giám sát an toàn, an ninh mạng,…	Nâng cấp và phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh thành nền tảng chính quyền số (Digital Government Platform), gồm các thành phần: nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); nền tảng đô thị thông minh (SCP).	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các CSDL của quốc gia và các bộ ngành TW đã công bố, chia sẻ.	Sở TT&TT		
		Kết nối nền tảng định danh và xác thực điện tử; kết nối nền tảng hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến.	Sở TT&TT		
25	Triển khai ứng dụng IoT trong quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh.	Ứng dụng nền tảng công nghệ IoT trong quản lý, vận hành các lĩnh vực - Công ty Điện lực Lào Cai nghiên cứu triển khai trong lĩnh vực Điện.	Công ty Điện lực Lào Cai;	Sở Công Thương	Thường xuyên
		Ứng dụng nền tảng công nghệ IoT trong quản lý, vận hành các lĩnh vực - Công ty Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nghiên cứu triển khai trong lĩnh vực cấp nước.	Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai;	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
		Ứng dụng nền tảng công nghệ IoT trong quản lý, vận hành các lĩnh vực - Công ty cổ phần môi trường đô thị tỉnh Lào Cai nghiên cứu trong lĩnh vực môi trường đô thị.	Công ty cổ phần môi trường đô thị tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - XD	

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
26	Triển khai một số cơ sở dữ liệu, nền tảng số cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm, như: các cơ quan Đảng, các ngành y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa và du lịch, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải - xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn…	Chuyển đổi số đồng bộ để Bộ Y tế chứng nhận hoàn thành bệnh án điện tử đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi và Bệnh viện Mường Khương.	Các bệnh viện: Đa khoa tỉnh, Sản Nhi, Mường Khương.	Sở Y tế, Sở TT&TT	Quý II
		Triển khai CSDL ngành Tài nguyên và Môi trường và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Sở TN&MT	Sở TT&TT	Quý III
		Triển khai CSDL ngành Giao thông vận tải - Xây dựng và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Sở GTVT-XD	Sở TT&TT	Quý III
		Triển khai CSDL ngành Nông nghiệp và PTNT và hệ thống thông tin tổng thể chuyên ngành.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở TT&TT	Quý III
27	Rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động	Tổ chức đo và lập danh sách các điểm, khu vực mà mạng viễn thông di động chưa đạt 40 Mbps, tổ chức họp với các doanh nghiệp Viễn thông yêu cầu bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động	Sở TT&TT	DN Viễn thông	Thường xuyên
28	Tổ chức đo và lập danh sách các điểm, khu vực mà mạng viễn thông di động chưa đạt 40 Mbps	Tổ chức họp với các doanh nghiệp viễn thông yêu cầu bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động, phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông trong trường hợp không giải quyết được để có giải pháp xử lý.Bộ Thông tin và Truyền thông đã cung cấp công cụ iSpeed để đo chất lượng và tốc độ mạng viễn thông di động.	Sở TT&TT	DN Viễn thông	Thường xuyên
29	Triển khai ứng dụng Nền tảng Trợ lý ảo	Trợ lý ảo thuộc 3 nhóm: Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức; Trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Trợ lý ảo phục vụ người dân.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	2024 - 2025
30	Triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân,	Trong trường hợp địa phương chưa xây dựng được Cổng dữ liệu mở riêng thì có thể sử dụng công cụ được cung cấp tại	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	30/6/2024

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
	doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.	Cổng dữ liệu quốc gia để thiết lập chuyên trang cung cấp dữ liệu mở của tỉnh.			
31	Triển khai Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là một thành phần của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.	- Nghiên cứu, lựa chọn giải pháp Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức phù hợp để triển khai theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; - Tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, xử lý, giải quyết thủ tục hành chính không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có ký số hợp lệ được chấp nhận như giấy tờ chính thức theo quy định của pháp luật.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	30/6/2024
IV	**Xây dựng chính quyền số**				
32	Triển khai dịch vụ công mức trực tuyến toàn trình cho các thủ tục hành chính đủ điều kiện, thanh toán trực tuyến, hóa đơn điện tử. Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực.	Xây dựng kế hoạch triển khai dịch vụ công tỉnh Lào Cai	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I
		Nâng cấp Cổng dịch vụ công của tỉnh, trong đó ưu tiên nhiệm vụ kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Nghiên cứu, triển khai triển khai Trợ lý ảo để người dân để người dân tìm hiểu, tra cứu về TTHC.	VPUBND tỉnh	Sở TT&TT	Quý I
		Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực.	VP UBND tỉnh	Các CQ, ĐV, ĐP	Quý I

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		Rà soát tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Các CQ, ĐV, ĐP	VP UBND tỉnh	Thường xuyên
		Xây dựng kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ để tạo sự thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp.	Sở TT&TT, VPUBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Theo kế hoạch đã ban hành
		Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	VPUBND tỉnh, Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý IV
33	Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để thực hiện DVCTT toàn trình;	VPUBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các DVCTT thiết yếu, nhiều người dùng	VPUBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Triển khai các HTTT giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC)	VPUBND tỉnh, Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
34	Nâng cấp các phần mềm dùng chung theo hướng phát triển thành nền tảng quản trị công việc tổng thể, đăng nhập một lần, cá thể hóa người dùng, liên thông, đồng bộ	Gồm các chức năng về thư điện tử, văn bản điện tử, lịch làm việc, họp không giấy tờ, đôn đốc, nhắc việc, chia sẻ dữ liệu và các chức năng khác hỗ trợ công vụ. CBCCVC sử dụng dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu từ máy sinh ra theo thời gian thực để hỗ trợ tham mưu, ra quyết định, giảm thiểu tác nghiệp thủ công, giảm thiểu thời gian giải quyết công việc, giảm thiểu giấy tờ, báo cáo.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý I, II
35	Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.		Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
36	Khai thác, sử dụng có hiệu quả các nền tảng, phần mềm chuyên ngành đã đầu tư hoặc đang đi thuê.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
37	Phát triển hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Chính phủ, phục vụ chỉ đạo điều hành thông suốt của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, đến cấp xã theo hướng không dùng báo cáo giấy, trao đổi dữ liệu theo thời gian thực.	Xây dựng kế hoạch triển khai	Sở TT&TT	Các CQ,ĐV,ĐP	Quý I
		Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ tỉnh	Sở TT&TT	Các CQ,ĐV,ĐP	Quý I
		Kết nối chia sẻ dữ liệu hệ thống thông tin báo cáo các chỉ tiêu kinh tế xã hội dùng chung của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Sở TT&TT	Sở KH&ĐT	Quý I
		Cập nhật các loại báo cáo trên hệ thống	Các CQ,ĐV,ĐP	Sở TT&TT	Thường xuyên
	Triển khai các hoạt động giám sát, kiểm tra trên môi trường mạng đối với các hoạt động thanh, kiểm tra tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thanh tra tỉnh	Thường xuyên
38	Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết công việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương (ngoài các quy trình giải quyết thủ tục hành chính) để từng bước số hóa các quy trình nghiệp vụ, phục vụ chuyển đổi số.		Các cơ quan, đơn vị, địa phương		Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
39	Phát triển Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp	Xác định mục tiêu và yêu cầu cụ thể cho Nền tảng, bao gồm việc thu nhập dữ liệu từ các nguồn khác nhau, phân tích dữ liệu để đưa ra quyết định, tạo ra các báo cáo và các biểu đồ thống kê.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Nghiên cứu và nhận diện nguồn dữ liệu quan trọng mà địa phương cần thu thập, bao gồm dữ liệu nội bộ và dữ liệu từ bên ngoài.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Thiết kế và triển khai hệ thống để thu thập dữ liệu từ các nguồn đã xác định	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Thực hiện công tác đào tạo cán bộ, công chức, viên chức để sử dụng nền tảng hiệu quả, ra quyết định dựa trên dữ liệu	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
40	Cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp; Cung cấp các kênh tương tác trực tuyến phục vụ xã hội, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.	Nâng cấp Cổng TTĐT có cho phép người dân, doanh nghiệp giao tiếp trực tuyến theo thời gian thực với CQNN; Cổng TTĐT có các tính năng về mạng xã hội.	VPUBND tỉnh		Quý I
		Duy trì cung cấp thông tin, trả lời hỏi đáp trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.	VPUBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Thí điểm tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân các cấp bằng hình thức trực tuyến.	VPĐoàn ĐBQH & HĐND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Cung cấp thông tin về các cuộc họp công khai của Hội đồng nhân dân.	VPĐoàn ĐBQH & HĐND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
41	Triển khai thí điểm Cổng dữ liệu mở để cung cấp dữ liệu	Xây dựng kế hoạch tổng thể và phương án triển khai dữ liệu mở	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

ОАО НМЦ

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
	mở cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu	Lựa chọn mở các loại dữ liệu có tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu, phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của địa phương	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Đánh giá hiệu quả của Cổng dữ liệu mở cấp tỉnh để phát triển ở giai đoạn tiếp theo	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
42	Đề xuất triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.	Đề nghị các cơ quan, đơn vị tham gia xây dựng, thử nghiệm trợ lý ảo cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Xây dựng lộ trình tích hợp trợ lý ảo phù hợp vào ứng dụng dùng chung, ứng dụng phục vụ chuyển đổi số của địa phương	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Xây dựng kế hoạch phát triển trợ lý ảo phục vụ nhu cầu riêng của địa phương dựa trên Mô hình ngôn ngữ tiếng Việt	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
43	Triển khai Kho dữ liệu cho cá nhân, tổ chức	Nghiên cứu, lựa chọn giải pháp kho dữ liệu cá nhân phù hợp để triển khai theo hướng dẫn, khuyến nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Truyên truyền, tập huấn cho cán bộ xử lý thủ tục hành chính không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong Kho. Kết quả thủ tục hành chính ký số hợp lệ được chấp nhận như giấy tờ chính thức theo quy định của pháp luật	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
44	Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến	- Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình. - Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		- Triển khai các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC).			
45	Triển khai giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến, kết nối hệ thống thông tin của cơ quan quản lý với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập tự động dữ liệu theo quy định của pháp luật để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.	Thiết lập Hệ thống EMC phục vụ giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến đối với việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương; cấp tài khoản cho các địa phương sử dụng.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
46	Triển khai Kênh giao tiếp số hợp nhất Zalo Mini App	Kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội). Kênh giao tiếp số hợp nhất là "điểm chạm" để người dân, doanh nghiệp tiếp cận với nhiều thông tin, dịch vụ số do chính quyền cung cấp, đồng thời giúp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
V	**Phát triển kinh tế số, xã hội số**				
47	Chủ động đo lường kinh tế số của địa phương mình.	Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng công cụ và hướng dẫn các địa phương nghiên cứu ước tính tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trên GDP/GRDP định kỳ hàng năm, tỷ trọng giá trị gia tăng kinh tế số ICT định kỳ hàng quý.	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hàng quý

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
48	Đưa vào sử dụng và khai thác có hiệu quả Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương.	Thường xuyên
49	Đưa vào sử dụng và khai thác có hiệu quả Cổng dịch vụ công cửa khẩu.		Ban Quản lý Khu kinh tế	Các cơ quan, đơn vị quản lý cửa khẩu	Thường xuyên
50	Trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch đưa hàng hóa lên sàn thương mại điện tử năm 2024.		Sở Công Thương	Sở NN&PTNN, Sở Du lịch, Sở TT&TT, UBND cấp huyện	Quý I
51	Khai thác, sử dụng có hiệu quả Cổng du lịch thông minh.		Sở Du lịch	UBND cấp huyện	Thường xuyên
52	Triển khai Nền tảng dữ liệu số về du lịch.		Sở Du lịch	Sở TT&TT	Thường xuyên
53	Chuyển đổi số cho các chợ: Cốc Lếu (thành phố Lào Cai); Sa Pa; Bắc Hà gắn với xây dựng chợ 4.0.		UBND thị xã Sa Pa, TP Lào Cai, huyện Bắc Hà	Sở TT&TT; Sở Công Thương; Sở NN&PTNT;…	Thường xuyên
54	Triển khai Kênh thông tin kết nối hợp nhất giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân		Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
55	Triển khai ứng dụng App công dân (Lào Cai số) trên phạm vi toàn tỉnh và tích hợp		Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

НИЛ ПАО НЛМК

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
	các dịch vụ thiết yếu vào cổng dịch vụ công của tỉnh và ứng dụng Lào Cai số.				
56	Triển khai có hiệu quả Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường.		UBND thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà, xã Gia Phú	Sở TT&TT	Thường xuyên
57	Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ liên quan nhiều đến người dân, doanh nghiệp.	Xây dựng kế hoạch triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ liên quan nhiều đến người dân, doanh nghiệp.	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Lào Cai	Sở TT&TT; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I
		Tuyên truyền, truyền thông cho nhân dân, trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các sở, ban, ngành	Sở TT&TT	Thường xuyên
58	Tạo lập, số hóa cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ khai thác của người dân, tổ chức, DN.		Sở TN&MT	UBND cấp huyện	Thường xuyên
59	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để hướng tới mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến	Tích hợp hệ thống xác thực qua VNeID vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh, cho phép người dân sử dụng VNeID có thể sử dụng các DVCTT trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh	Thường xuyên
		Phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản DVCTT	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh	Thường xuyên

НИЦ НАС КДНИ МАС

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		Ban hành các chính sách khuyến khích sử dụng chữ ký số	Văn phòng UBND tỉnh		Thường xuyên
		Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân	UBND các huyện, thị xã, thành phố		Thường xuyên
		Phối hợp với Bộ Công an tích hợp hợp chữ ký số trên ứng dụng VNeID	Công an tỉnh		Thường xuyên
60	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để hướng tới mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản	Các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ an toàn, an ninh mạng. Địa phương phối hợp với các DN viễn thông hướng dẫn người dân sử dụng.	Các doanh nghiệp viễn thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
		Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng an toàn, an ninh mạng.	Các doanh nghiệp viễn thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
61	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp	Thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
62	Triển khai các nhiệm nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện.		Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
63	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển Làng số	Tổ Công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng, nền tảng số cơ bản, miễn phí để nâng cao đời sống hàng ngày của người dân	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		Phối hợp cùng doanh nghiệp nghiên cứu các mô hình Làng số tiêu biểu để vận dụng, triển khai dựa trên đặc thù riêng của mình	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT	Thường xuyên
64	Công khai thông tin quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị trên mạng để hỗ trợ tra cứu thông tin.		Sở GTVTXD	UBND cấp huyện	Thường xuyên
65	Xây dựng và triển khai kế hoạch đưa đoàn viên thanh niên trở thành lực lượng tiên phong trong chuyển đổi số.		Tỉnh Đoàn	Sở TT&TT; UBND cấp huyện	Quý I
66	Triển khai định danh và xác thực điện tử, danh tính số để hình thành công dân số.	Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập lại tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2	Công an tỉnh	Sở TT&TT; UBND cấp huyện	Thường xuyên
		Lập danh sách các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số	Công an tỉnh	Sở TT&TT; UBND cấp huyện	Thường xuyên
67	Mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn tối thiểu 01 xã triển khai chuyển đổi số xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử.		Các huyện, thị xã, thành phố	Sở TT&TT, Sở NN&PTNT	Quý I
68	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để hướng tới mỗi người dân trưởng thành có một tài	Phối hợp ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân	Ngân hàng nhà nước tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
		Đối với các vùng miền tiếp cạn khó tới dịch vụ ngân hàng, thì phối hợp với các doanh nghiệp mạng viễn thông để triển	Ngân hàng nhà nước tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên

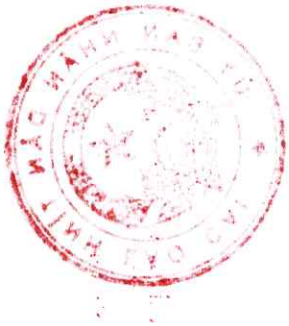

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
	khoản thanh toán số, phổ cập thanh toán số.	khai dịch vụ moble money. Tài khoản mobile money gắn với tài khoản SIM điện thoại, có thể sử dụng thanh toán ngay cả khi sử dụng điện thoại thế hệ cũ.			
		Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt	Ngân hàng nhà nước tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
		Có các chính sách ưu đãi cho hình thức thanh toán không dùng tiền mặt	Ngân hàng nhà nước tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
69	Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa	- Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp. - Định kỳ 6 tháng tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, công cụ miễn phí, hỗ trợ doanh nghiệp tự đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp tại địa chỉ dbi.gov.vn. - Cổng Thông tin điện tử smedx.vn, đăng tải thông tin về các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa xuất sắc đã được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá, chứng nhận kèm theo ưu đãi cho từng nền tảng cụ thể.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
70	Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	- Tích hợp hệ thống xác thực qua VNeID vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh, cho phép người dân sử dụng VNeID có thể sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh. - Phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		- Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.			
71	Triển khai phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân. Chữ ký số là phương tiện thay thế chữ ký cá nhân trên môi trường số, có giá trị pháp lý tương đương chữ ký của cá nhân đó trong văn bản giấy. Thời hạn hoàn thành: 2024 - 2025.	- Tích hợp tính năng ký số vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động. - Ban hành các chính sách khuyến khích sử dụng chữ ký số. - Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân. - Phối hợp với Bộ Công an tích hợp chữ ký số trên ứng dụng VNeID.	Văn phòng UBND tỉnh; Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
VI	**Đảm bảo an toàn, an ninh mạng**				
72	Phát triển hệ thống trung tâm xử lý, giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Thực hiện các giải pháp nâng cao an toàn thông tin, an ninh mạng tập trung trên toàn tỉnh, theo mô hình 4 lớp.	Thuê dịch vụ Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC).	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Thẩm định, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.			
		Thực hiện duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).			
		Sát hạch năng lực công chức, viên chức làm nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.			
		Tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác đảm bảo an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương			

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
		Triển khai có hiệu quả mô hình đảm bảo an toàn thông tin 4 lớp trên địa bàn tỉnh.			
73	Thực hiện đánh giá, phê duyệt cấp độ đối với các hệ thống thông tin của các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh.	Thực hiện các chương trình hỗ trợ, nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân trên toàn tỉnh.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
		Thực hiện xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
74	Nâng cao năng lực, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể đảm bảo an toàn thông tin.	Tổ chức diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số năm 2023.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Quý III
		Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho CCVC làm chuyên trách, phụ trách CNTT trên toàn tỉnh.			
		Triển khai các nội dung hợp tác, trong đó có nội dung hỗ trợ về an toàn thông tin với các Tập đoàn, tổng công ty có ký kết hợp tác với tỉnh.			
		Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao kiến thức đảm bảo an toàn thông tin cho các đơn vị sở, ngành của tỉnh.			Quý II
		Tổ chức, tham gia diễn tập đảm bảo an toàn thông tin theo chương trình của Bộ TT&TT và mạng lưới ứng cứu sự cố quốc gia.			Thường xuyên
		Giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.			Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn
75	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin	Đăng ký sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm ATTT theo cấp độ (tại địa chỉ: capdo.ais.gov.vn) và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ ATTT theo cấp độ	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		Phê duyệt cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của tỉnh trước 30/6/2024	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ theo Hồ sơ cấp độ đã được phê duyệt trước 30/11/2024	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	Thường xuyên
		Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ ATTT cho HTTT theo quy định trước 15/12/2023 (Tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 làn/1 năm cho hệ thống cáp độ 3,4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5)	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
		100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.			
		Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến/năm, ưu tiên HTTTT cấp độ 3 trở lên	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
76	Triển khai phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.	Việc bảo vệ này cơ bản không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; bảo đảm người dân an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số.	Sở TT&TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

Phụ lục 04

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI THIỆN CHỈ SỐ DTI TỈNH LÀO CAI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: 443/KH-UBND ngày 28 / 12 /2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
I	**Nhận thức số**	**100**									
1	Người đứng đầu tỉnh (Bí thư Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch UBND tỉnh) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh.	10	10	10	10	10	Tham mưu, đôn đốc triển khai Kế hoạch hoạt động ban chỉ đạo chuyển đổi số. Duy trì họp Ban chỉ đạo CĐS thường kỳ theo kế hoạch.	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo CĐS	Văn phòng Tỉnh ủy	Văn phòng UBND tỉnh, Sở TT&TT	Thường xuyên
2	Người đứng đầu tỉnh (Bí thư Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch UBND tỉnh) chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số.	10	10	10	10	10		Giấy mời họp Ban chỉ đạo CĐS			
3	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu tỉnh, thành phố (Chủ tịch UBND tỉnh) ký.	10	5	10	10	10	Rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh đầy đủ các văn bản chỉ đạo chuyên đề theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông phù hợp với tình hình của tỉnh.	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về CĐS do Chủ tịch UBND tỉnh ký	Sở TT&TT	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
4	Có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số.	10	10	10	10	10	Đặt hàng, duy trì, cập nhật tin, bài về chuyển	chuyendoiso.laocai.gov.vn	Sở TT&TT	Các sơ quan, đơn	Thường xuyên

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
							đổi số trên Cổng chuyển đổi số của tỉnh.			vị, địa phương	
5	Cổng thông tin điện tử của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	10	10	10	10	Duy trì, cập nhật tin, bài về chuyển đổi số Cổng thông tin điện tử của tỉnh.	laocai.gov.vn	Văn phòng UBND tỉnh	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
6	Cơ quan báo chí của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	10	10	10	10	Duy trì, cập nhật tin, bài về chuyển đổi số trên chuyên mục chuyển đổi số Báo Lào Cai điện tử.	baolaocai.vn	Báo Lào Cai	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
7	Đài Phát thanh - Truyền hình của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	10	10	10	10	Duy trì, cập nhật tin, bài về chuyển đổi số trên chuyên mục chuyển đổi số trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và laocaitv.vn.	laocaitv.vn	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
8	Tần suất Đài Phát thanh - Truyền hình của tỉnh phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	10	10	10	10	Duy trì tần suất tối thiểu 1 tuần/1 lần.	Báo cáo tổng hợp chuyên mục chuyển đổi số số hàng năm	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh		Thường xuyên

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
9	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.	10	0	10	10	10	Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở	Kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Thường xuyên
10	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	10	0	10	10	10	Định kỳ phát sóng hàng tuần chuyên mục chuyển đổi số.	Báo cáo của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Thường xuyên
							Đưa các chỉ số về truyền thanh cơ sở vào bộ chỉ số DTI cấp huyện.	Quyết định ban hành bộ chỉ số DTI Lào Cai	Sở TT&TT	UBND cấp huyện	Thường xuyên
II	**Thể chế số**	**100**									
1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp ủy về chuyển đổi số của tỉnh.	5	5	5	5	5	Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại Lào Cai theo từng giai đoạn.	Đề án, nghị quyết của Tỉnh ủy về chuyển đổi số	Sở TT&TT		Đã xây dựng
2	Kế hoạch hành động 5 năm của tỉnh về chuyển đổi số.	5	5	5	5	5		Kế hoạch, chương trình về chuyển đổi số đến 2025			Đã xây dựng
3	Kế hoạch hành động hàng năm của tỉnh về chuyển đổi số.	10	10	10	10	10		Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Lào Cai hàng năm			Thường xuyên

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4	Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.	10	10	10	10	10	Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại Lào Cai theo từng giai đoạn.	Quyết định phê duyệt kiến trúc Chính quyền điện tử	Sở TT&TT		Đã xây dựng
5	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.	10	10	10	10	10	Đẩy mạnh tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm về chuyển đổi số; phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử và công tác chi cho chuyển đổi số.	Kế hoạch tổ chức hội nghị, bồi dưỡng về chuyển đổi số năm 2023	Sở TT&TT		Thường xuyên
6	Ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	10	0	10	10	10	Tham mưu ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	Văn bản của UBND tỉnh	Sở TT&TT	Sở Tài chính, Sở KH&ĐT	30/09/2024
7	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số	10	0	10	10	10	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số	Kế hoạch tổ chức hội nghị, bồi dưỡng tập huấn hoặc lồng ghép với KH 2.5	Sở TT&TT	Sở Tài chính	30/10/2024

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
8	Ban hành chính sách tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số.	10	0	10	10	10	Tham mưu ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số.	Nghị quyết 20-NQ/TU	Sở TT&TT	Sở Tài chính	Đã thực hiện
9	Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.	10	0	10	10	10	Tham mưu ban hành chính sách thuê chuyên gia chất lượng cao.		Sở Nội vụ		28/05/2024
10	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.	10	0	0	0	0	Tham mưu ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở TT&TT	31/03/2024
III	**Hạ tầng số**	**100**									
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	10	6,8	7	8	9	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp xóa các cùng lõm sóng 3G, 4G đảm bảo 100% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh được phủ Internet băng rộng di động.	Báo cáo điều tra, khảo sát	Sở TT&TT	UBND các huyện/thị xã/ thành phố	31/05/2024
2	Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh.	10	8,6	8,8	9	10					
3	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang.	10	5,2	6	6	8					

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng.	10	0	10	10	10	Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% UBND cấp xã	Quyết định phê duyệt KH thuê dịch vụ CNTT. Báo cáo tiến độ triển khai gửi Cục Bưu điện TU – Bộ TT&TT	Sở TT&TT		Thường xuyên
5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây.	30	7,5	15	25	30	Triển khai nâng cấp Trung tâm dữ liệu kết hợp với thuê trung tâm dữ liệu đảm bảo đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ TTTT, tiến hành kết nối với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ ngay sau khi có hướng dẫn của Bộ TTTT.	Quyết định phê duyệt dự án đầu từ/thuê trung tâm dữ liệu	Sở TT&TT		30/04/2024
6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung.	20	7,6	13	15	20	Nghiên cứu, đề xuất tham mưu triển khai các nền tảng số (theo QĐ 186/QĐ-BTTTT) phù hợp với điều kiện thực tế tại Lào Cai.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư/thuê	Sở TT&TT	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số.	10	0	2	2	5	Nghiên cứu, đề xuất thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào ít nhất 1 nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung.	Cổng dịch vụ công tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	31/03/2024
IV	**Nhân lực số**	**100**									
1	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã.	10	0	10	10	10	Đôn đốc thành lập tổ công nghệ số cộng cấp thôn, tổ dân phố.	Báo cáo tổng hợp hoạt động tổ công nghệ số cộng đồng	UBND các huyện/thị xã/ thành phố	Sở TT&TT	31/10/2024
2	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn.	10	0	10	10	10					
3	Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số.	10	0	10	10	10	Tham mưu kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, bổ sung các nhiệm vụ về chuyển đổi số và phân công bộ phận thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Thường xuyên
4	Sở Thông tin và Truyền thông có bộ phận/đơn vị thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số.	10	0	10	10	10					
5	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số.	10	0	2	8	9	Rà soát, kiện toàn đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách và kiêm nghiệm chuyển	Báo cáo tổng hợp nguồn nhân lực CNTT, Chuyển đổi	Sở TT&TT	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	15/12/2024

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
6	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về an toàn thông tin mạng.	10	0,4	0,5	5	5	đổi số, an toàn thông tin.	số tỉnh Lào Cai năm 2023			
7	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số.	10	10	10	10	10	Tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức.				
8	Tỷ lệ cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về chuyển đổi số.	5	2,5	5	5	5	Nghiên cứu thành lập khoa CNTT, tuyển sinh đào tạo hệ Cao đẳng CNTT trở lên tại Trường Cao đẳng Lào Cai.	Quyết định thành lập khoa hoặc có KH tuyển sinh (có truyền sinh Cao đẳng CNTT)	Trường Cao đẳng Lào Cai		Thường xuyên
9	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyển đổi số.	5	0					Báo cáo tổng hợp của Trường CĐ Lào Cai và Phân hiệu đại học Thái Nguyên tại Lào Cai.	Trường Cao đẳng Lào Cai; Phân hiệu ĐH TN tại Lào Cai	Sở TT&TT	30/11/2024
10	Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số.	5	0		2	3	Rà soát, đề xuất phương án nâng cao tỷ lệ, tổng hợp số liệu.	Báo cáo tổng hợp số liệu	Sở LĐ,TB&XH	Sở TT&TT, Cục T.Kê	31/05/2024

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
11	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch.	5	0		3	4	Hướng dẫn, cung cấp tài liệu đào tạo, phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc Bộ TTTT hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố vận động thành viên tổ công nghệ số cộng đồng, người dân tham gia các khóa đào tạo trực tuyến trên nền tảng OneTouch do Bộ TTTT chủ trì.	Số liệu tổng hợp trên hệ thống OneTouch của Bộ TT&TT	Sở TT&TT	UBND các huyện/thị xã/ thành phố	Thường xuyên
12	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).	5	0	2,5	2,5	2,5	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Quyết đinh 1634/QĐ-UBND: Hoàn thiện mô hình chuyển đổi số: hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2024	Trường Cao đẳng Lào Cai, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai	Sở TT&TT	31/12/2024
13	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được	5	0	2,5	2,5	2,5		Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TT&TT	31/12/2024

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).										
V	**An toàn thông tin mạng**	**100**									
1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ.	10	7,4	10	10	10	Ban hành văn bản chỉ đạo, giao các ngành, địa phương hoàn thành 100% phê duyệt cấp độ ATTT cho các hệ thống thông tin trong năm 2023.	Quyết định phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT của các HTTT	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	30/06/2024
2	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.	10	0	10	10	10		Quyết định phê duyệt phương án đảm bảo ATTT theo cấp độ	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Sở TT&TT	30/06/2024
3	Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).	10	0	5	10	10	Kết nối phần mềm phòng chống mã độc cho máy chủ tại trung tâm dữ liệu với NCSC. Triển khai phần mềm phòng, chống mã độc tập trung cho các cơ quan nhà nước.	Số liệu từ hệ thống giám sát tập trung NCSC của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT	Các sơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4	Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).	10	0	5	10	10					
5	Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc.	5	5		5	5	Tiếp tục duy trì trung tâm giám sát ATTT (SOC) của tỉnh, mở rộng đối tượng giám sát các HTTT quan trọng ngoài trung tâm dữ liệu.	Số liệu từ hệ thống giám sát tập trung NCSC của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT		Thường xuyên
6	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).	10	0	5	10	10					
7	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại	10	0	10	10	10	Tiến hành kiểm tra, đánh giá định kỳ các hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ.	Kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP	Thường xuyên

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017.										
8	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng.	5	0	5	5	5			Sở TT&TT		Thường xuyên
9	Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai.	5	5	5	5	5	Tổ chức diễn tập ATTT năm 2023.	Kế hoạch diễn tập	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP	10/10/2024
10	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước.	5	0	2,5	5	5	Tổ chức hoạt động tổ ứng cứu sự cố mất ATTT trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo định kỳ, Báo cáo theo sự cố (gửi cơ quan điều phối quốc gia) điểm c,d khoản 1, điều 6 TT 20/2017/TT-BTTTT	Sở TT&TT	Các CQ, ĐV, ĐP	Thường xuyên
11	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước.	5	0	2,5	5	5					
12	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT).	15	6,4	7	10	10	Phần bổ kinh phí chi cho ATTT tối thiểu 10% chi cho chuyển đổi số.	Báo cáo tổng hợp kinh phí chi cho ATTT năm 2023	Sở Tài chính	Sở TT&TT	10/02/2024
VI	**Hoạt động chính quyền số**	**200**									

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.	10	0	10	10	10	Triển khai nâng cấp Cổng thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP (Chương II).	Laocai.gov.vn Văn bản yêu cầu nâng cấp và biên bản nghiệm thu nâng cấp	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên
2	Triển khai Cổng dữ liệu mở.	5	0		5	5	Xây dựng/thuê Hệ thống thông tin kho dữ liệu, cơ sở dữ liệu mở tỉnh Lào Cai.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư/thuê	Sở TT&TT		31/07/2024
3	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.	10	2	10	10	10	Triển khai nâng cấp Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng yêu cầu tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP (Chương III).	dichvucong.laocai.gov.vn Văn bản yêu cầu nâng cấp và biên bản nghiệm thu nâng cấp	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên
4	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT.	5	5	5	5	5	Tiếp tục duy trì fanpage của UBND tỉnh trên mạng xã hội facebook và kênh Zalo hành chính công.	https://www.facebook.com/ubndtlc	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
5	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.	5	5	5	5	5		Zalo "Cổng hành chính công Lào Cai"			
6	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).	5	2,2	2,5	2,5	2,5	Triển khai kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (kết nối các dữ liệu dùng chung của tỉnh).	Dữ liệu tổng hợp từ LGSP của tỉnh	Sở TT&TT		Thường xuyên
7	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh.	10	4	5	5	5	Triển khai kết nối các dịch vụ NDXP với LGSP của tỉnh, kết nối các ứng dụng có dữ liệu dùng chung với LGSP theo lộ trình.	Dữ liệu tổng hợp từ NDXP	Sở TT&TT		Thường xuyên
8	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình.	10	10	10	10	10	Kế hoạch thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.	Báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2023	Sở Nội vụ, Sở TT&TT, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
9	Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin.	10	10	10	10	10		Báo cáo tổng hợp số liệu từ hệ thống cổng dịch vụ công tỉnh			

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
10	Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa.	10	0	10	10	10	Thực hiện nhiệm vụ 6.3.				
11	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến.	10	8,3	8,5	8,5	8,5	Kế hoạch thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.				
12	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến.	20	4,1	12,5	15	15					
13	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT toàn trình trong năm.	5	3.1	4	4	4	Kế hoạch thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.				
14	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT.	5	0	4	4	5	Thực hiện nhiệm vụ 6.3.				
							Kế hoạch thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.				
15	Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung.	10	0	10	10	10	Thực hiện nhiệm vụ 6.6.				
16	Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh	10	0	0	10	10	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp.		Sở TT&TT		Thường xuyên

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
	phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước.										
17	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh và đến từng thiết bị cá nhân.	10	0	10	10	10	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình tỉnh Lào Cai đáp ứng yêu cầu theo Quyết định 157/QĐ-BTTTT.	Báo cáo của nhà cung cấp dịch vụ về thực trạng và khả năng cung cấp dịch vụ HNTH năm 2023	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên
18	Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước.	10	0	10	10	10	Hoàn thiện chức năng Trung tâm IOC, tích hợp giám sát các CSDL, ứng dụng dùng chung.	Số liệu cung cấp trên hệ thống IOC của tỉnh	Sở TT&TT		Thường xuyên
19	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp.	10	0	10	10	10	Thí điểm triển khai nền tảng trợ lý ảo tích hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Có ứng dụng AI).	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư/thuê/thí điểm	Văn phòng UBND tỉnh		31/03/2024
20	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức.	10	0	0	5	5	Nghiên cứu giải pháp triển khai năm 2023.		Sở TT&TT		Thường xuyên

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
21	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số.	10	0	10	10	10	Thực hiện nhiệm vụ 6.19.		Các sơ quan, đơn vị, địa phương		
22	Tổng chi ngân sách nhà nước cho chính quyền số.	10	2,5	10	10	10	Cân đối ngân sách chi cho chuyển đổi số toàn tỉnh tối thiểu 1% cho chuyển đổi số (Nghị quyết 20-NQ/TU).	Báo cáo tổng hợp chi cho Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2023	Sở Tài chính	Sở TT&TT	Theo thời điểm y/c lấy số liệu
VII	**Hoạt động kinh tế số**	**150**									
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.	20	5,4			5		Báo cáo Tổng hợp số liệu Kinh tế số	Cục Thống kê		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
2	Số doanh nghiệp công nghệ số (Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT).	20	1,8			5		Tổng hợp số liệu Đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
3	Số lượng doanh nghiệp nền tảng số.	10	2,9								
4	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx.	20	5,4			5		Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát	Sở TT&TT		Theo thời điểm y/c lấy số liệu

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.	10	3,7			7		Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát	Sở TT&TT		
6	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.	10	0			7		Báo cáo tổng hợp tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Sở Công Thương		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
7	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử.	10	5,3	9,5	9,5	9,5		Báo cáo tổng hợp Doanh nghiệp nộp thuế điện tử	Cục thuế Lào Cai		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
8	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định.	10	10	10	10	10		Vụ Bưu chính - BTT&TT cung cấp	Sở TT&TT		
9	Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vỏ sò và Postmart.	10	0,2	2	5	5	Triển khai Kế hoạch 270/KH-UBND ngày 3/8/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về đưa sản phẩm hàng hóa của tỉnh Lào Cai lên sàn thương mại điện tử giai đoạn 2022 - 2025 và năm 2022.	Báo cáo kết quả thực hiện của Bưu điện Lào Cai và Bưu chính Viettel Lào Cai	Sở TT&TT		Theo thời điểm y/c lấy số liệu

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
10	Số lượng tên miền .vn.	10	0					VNNIC cung cấp trên hệ thống quản lý tên miền quốc gia	Sở TT&TT		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
11	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho kinh tế số.	10	0			4		Báo cáo tổng hợp kinh phí đầu tư từ ngân sách cho kinh tế số	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
12	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho kinh tế số.	10	0,4			3		Báo cáo tổng hợp kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách cho kinh tế số	Sở Tài chính		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
VIII	**Hoạt động xã hội số**	**150**									
1	Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử.	20	0		10	10	Triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai thực hiện Đề án phát triển dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Báo cáo tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Theo thời điểm y/c lấy số liệu

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.	20	0		15	15		Báo cáo tổng hợp số liệu tài khoản giao dịch ngân hàng trên địa bàn tỉnh năm 2023	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Lào Cai		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
3	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	20	0		2	2		Viện Chiến lược - Bộ TT&TT cung cấp	Sở TT&TT		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
4	Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình).	20	19,9		20	20		Viện Chiến lược - Bộ TT&TT cung cấp; Báo cáo của Bưu điện tỉnh	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Theo thời điểm y/c lấy số liệu
5	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.	10	3,1		5	5		Báo cáo tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát	Cục Thống kê		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
6	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số.	20	0		10	10		Báo cáo tổng hợp kinh phí đầu tư từ ngân sách cho kinh tế số	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Theo thời điểm y/c lấy số liệu

STT	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm năm 2021	Điểm năm 2022	Điểm năm 2023	Mục tiêu 2024	Nội dung thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
7	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số.	20	0		10	10		Báo cáo tổng hợp kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách cho kinh tế số	Sở Tài chính		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
8	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền.	20	0		10	10	Triển khai thí điểm, đánh giá hiệu quả nền tảng phản ánh hiện trường tại thị xã Sa Pa và thành phố Lào Cai.	Báo cáo kết quả triển khai năm 2023	UBND thị xã, Sa Pa ; UBND TP Lào Cai		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
							Triển khai app công dân tích hợp các công cụ hỗ trợ, giao tiếp với chính quyền.	Báo cáo kết quả triển khai năm 2023	Sở Thông tin và Truyền thông		Theo thời điểm y/c lấy số liệu
							Nâng cấp chuyên mục hỏi đáp đáp cho phép người dùng đánh giá sự hài lòng của cơ quan trả lời.	hoidap.laocai.gov.vn	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT	Thường xuyên

./.

НИГЛО ИАНИ НАС ТО